

Số: 25/ĐA-CĐCĐ

Cà Mau, ngày 22 tháng 6 năm 2022

**ĐỀ ÁN**  
**Tuyển sinh Cao đẳng Giáo dục Mầm non, Năm 2022**

**I. Thông tin chung**

- Tên cơ sở đào tạo
  - Tiếng Việt: Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau.
  - Tiếng Anh: Ca Mau Community College (CMCC).
- Mã trường: D61.
- Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):
  - Cơ sở 1 (trụ sở chính): Số 126, đường 3 tháng 2, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
  - Cơ sở 2: Quốc lộ 63, khóm 3, phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Địa chỉ Trang Thông tin điện tử của Trường
  - Website: [caodangcongdong.camau.gov.vn](http://caodangcongdong.camau.gov.vn).
  - Hoặc: [www.cmcc.edu.vn](http://www.cmcc.edu.vn).
- Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):
  - Facebook: Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau.
  - Zalo: 0941979152, Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau.
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại
1.	Lý Phương Trúc	Phó Trưởng phòng Đào tạo	0943203209
2.	Dương Thùy Dương	Trưởng phòng Đào tạo	0918786976
3.	Đỗ Thị Viễn Hương	Phó hiệu trưởng	0939917918

- Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp
  - Năm tốt nghiệp 2019

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số sinh viên trúng tuyển nhập học	Số sinh viên tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	300	191	191	100%

- Năm tuyển sinh 2017, 2018: không được giao chỉ tiêu tuyển mới, nên hai năm 2020, 2021 không có sinh viên tốt nghiệp.

- Thông tin tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên Trang Thông tin điện tử của Trường:

<https://caodangcongdong.camau.gov.vn/wps/portal/ts/>

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

TT	Ngành	Phương thức tuyển sinh
1.	Giáo dục Mầm non	Năm 2020
		Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả của kỳ thi THPT năm 2020 (hoặc kết quả của kỳ thi THPT quốc gia các năm trước) và thi năng khiếu. Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (Lớp 12) và thi năng khiếu
		Năm 2021
		Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả của kỳ thi THPT năm 2021 (hoặc kết quả của kỳ thi THPT quốc gia, THPT các năm trước) và thi năng khiếu. Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (Lớp 12) và thi năng khiếu

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy từ kết quả của kỳ thi THPT quốc gia hoặc THPT)

TT	Lĩnh vực/ Ngành/ Nhóm ngành/ Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm tuyển sinh 2020			Năm tuyển sinh 2021		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1.	Lĩnh vực/ Nhóm ngành/ngành	Phương thức 1	50	12	16,50	161	48	17,00
		Phương thức 2		38	19,50		94	19,50
	- Ngành: Giáo dục Mầm non		<b>50</b>	<b>50</b>		<b>161</b>	<b>142</b>	
	Tổ hợp 1 (M00): Ngữ văn – Toán – Năng khiếu			17			29	
	Tổ hợp 2 (M05): Ngữ văn – Sử - Năng khiếu			11			33	
	Tổ hợp 3 (M07): Ngữ văn – Địa – Năng khiếu			20			75	
	Tổ hợp 4 (M11): Ngữ văn – Tiếng Anh–Năng khiếu			02			05	

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

<b>TT</b>	<b>Tên ngành</b>	<b>Mã ngành</b>	<b>Số văn bản mở ngành</b>	<b>Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành</b>	<b>Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép</b>	<b>Năm bắt đầu đào tạo</b>	<b>Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh</b>
1.	Giáo dục Mầm non	51140201	187/QĐ-BGDĐT	22/01/2019		2017	2021

- Ngôn ngữ đào tạo: tiếng Việt

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 03)

*Mẫu số 03: Báo cáo các điều kiện đảm bảo chất lượng*  
**CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG**

**1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2021 (người học)**

STT	Trình độ/lĩnh vực/ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
<b>I</b>	<b>CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON</b>		
1	Cao đẳng chính quy	51140201	214

**2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu**

2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của Trường (ha): 33,560.

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: chưa có ký túc xá sinh viên, định hướng của tỉnh là xây dựng ký túc xá tập trung cho tất cả cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Cà Mau dùng chung.

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của Trường tính trên một sinh viên chính quy: 1,60 m<sup>2</sup>.

TT	Loại phòng	Số lượng
1.	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	45
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	02
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	22
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	00
1.5.	Số phòng học đa phương tiện	00
1.6.	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	20
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	02
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	15
	<b>Tổng</b>	<b>62</b>

## 2.2. Các thông tin khác

<b>TT</b>	<b>Tên</b>	<b>Các trang thiết bị chính</b>
1.	Phòng thực hành công nghệ thông tin	Máy tính chủ của giảng viên, máy chiếu hoặc tivi, âm thanh, bảng viết,...máy tính học tập cho sinh viên trung bình 25 sinh viên/phòng máy.
2.	Phòng dạy múa	Máy chiếu hoặc tivi, âm thanh, máy đọc đĩa CD hoặc Cassette đọc đĩa CD, gương múa áp tường,...
3.	Phòng dạy đàn organ	Đàn cho giảng viên và đàn cho sinh viên học theo từng cá nhân
4.	Sân mở rộng dạy học giáo dục thể chất, tổ chức các hoạt động thể dục thể thao nhảy xa, bóng chuyền, cầu lông, nhảy cao, bật xa, điền kinh, bóng bàn	Xà, lưới, bóng, hồ cát, tạ, bàn bóng bàn,...
5.	Phòng tập giảng thực hành	Máy tính chủ của giảng viên, máy chiếu hoặc tivi, âm thanh, bảng viết,...
6.	Phòng tập giảng lý thuyết	Âm thanh, máy chiếu hoặc tivi, bảng viết,...
7.	Phòng trưng bày mô hình, thiết bị	Tập hợp các mô hình dạy học thực hành, công cụ, dụng cụ hỗ trợ dạy học trực quan, kết quả dạy học mỹ thuật

*1.3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí,, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện*

<b>TT</b>	<b>Khối ngành đào tạo/ Nhóm ngành</b>	<b>Số lượng</b>
1.	Khối ngành/Nhóm ngành I	2.250
	....	

1.4. Danh sách giảng viên toàn thời gian

Stt	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
							Cao đẳng	
							Mã ngành	Tên ngành
1.	Trần Thị Thu Ba	Nữ		Thạc sĩ	Cử nhân Văn học, Thạc sĩ Triết học	x		
2.	Nguyễn Chí Công	Nam		Thạc sĩ	Toán học (Toán giải tích), ĐHSP Tin học	x		
3.	Phạm Hữu Chương	Nam		Thạc sĩ	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh	x		
4.	Phan Thế Danh	Nam		Thạc sĩ	Quản lý Giáo dục, ĐHSP Tin học	x		
5.	Hà Thị Hà Giang	Nữ		Đại học	Sư phạm Tin học	x		
6.	Quách Văn Hiếu	Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	x		
7.	Phạm Thị Huyền	Nữ		Đại học	Toán học	x		
8.	Đỗ Thị Viễn Hương	Nữ		Thạc sĩ	Toán học giải tích	x		
9.	Hồ Hồng Liên	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh	x		
10	Võ Thị Thanh Nữ	Nữ		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x		
11	Nguyễn Thanh Khoa	Nam		Tiến sĩ	Hệ thống thông tin	x		
12	Võ Tuyết Ngân	Nữ		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	x		
13	Phan Văn Ngoan	Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	x		
14	Đỗ Song Nguyên	Nam		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh	x		

Stt	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
							Cao đẳng	
							Mã ngành	Tên ngành
15	Nguyễn Chánh Nhân	Nam		Thạc sĩ	Quản lý Khoa học và Công nghệ, Cử nhân Anh văn	x		
16	Phan Minh Nhật	Nam		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	x		
17	Nguyễn Văn Sóc	Nam		Đại học	Sư phạm Tin học	x		
18	Trần Thị Anh Tú	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	x		
19	Bùi Thị Phương Trang	Nữ		Thạc sĩ	Toán học	x		
20	Nguyễn Thị Khả Uyên	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh	x		
21	Nguyễn Bích Vân	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Anh	x		
22	Nguyễn Văn Vinh	Nam		Thạc sĩ	Quản lý Giáo dục, ĐHSP tiếng Anh	x		
23	Trịnh Nhựt Nam	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế học, ĐHSP Tin học	x		
24	Tạ Thành Dũng	Nam		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	x	51140201	Giáo dục Mầm non
25	Hoàng Thị Thanh Thủy	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	x	51140201	Giáo dục Mầm non
26	Lê Thị Thanh An	Nữ		Thạc sĩ	Văn học Việt Nam		51140201	Giáo dục Mầm non

Stt	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
							Cao đẳng	
							Mã ngành	Tên ngành
27	Lê Tuyết Đào	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Âm nhạc		51140201	Giáo dục Mầm non
28	Bùi Khiếu Ngọc Lê Hằng	Nữ		Thạc sĩ	Tâm lý học		51140201	Giáo dục Mầm non
29	Nguyễn Thái Long	Nam		Đại học	Guitar		51140201	Giáo dục Mầm non
30	Trần Bình Nguyên	Nam		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp giảng dạy Âm nhạc		51140201	Giáo dục Mầm non
31	Nguyễn Thị Oanh	Nữ		Đại học	Sư phạm Mỹ thuật		51140201	Giáo dục Mầm non
32	Võ Đức Phương	Nam		Thạc sĩ	Tâm lý học		51140201	Giáo dục Mầm non
33	Nguyễn Văn Tùng	Nam		Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử giáo dục học		51140201	Giáo dục Mầm non
34	Nguyễn Thị Kim Thêu	Nữ		Đại học	Sư phạm Âm nhạc		51140201	Giáo dục Mầm non
35	Nguyễn Văn Truyện	Nam		Đại học	Sư phạm Mỹ thuật		51140201	Giáo dục Mầm non
36	Trần Kim Ngoan	Nữ		Thạc sĩ	Văn học Việt Nam		51140201	Giáo dục Mầm non



Stt	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
							Cao đẳng	
							Mã ngành	Tên ngành
37	Nguyễn Tú Quyên	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục, Đại học Giáo dục mầm non		51140201	Giáo dục Mầm non
<b>Tổng số giảng viên toàn Trường tính đến ngày 31/5/2022: 99 người trong đó 03 tiên sỹ, 63 thạc sỹ, 33 cử nhân</b>								

1.5. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Giảng dạy môn chung	Mã ngành	Tên ngành	Thâm niên công tác (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)	Tên doanh nghiệp (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)
01.	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nữ		Đại học	Tâm lý giáo dục học mầm non		51140201	Giáo dục Mầm non		

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Giảng dạy môn chung	Mã ngành	Tên ngành	Thâm niên công tác (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)	Tên doanh nghiệp (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)
02.	Phạm Thị Tươi	Nữ		Đại học	Tâm lý giáo dục học mầm non		51140201	Giáo dục Mầm non		
03.	Vũ Văn Hương	Nam		Thạc sĩ	Điều dưỡng		51140201	Giáo dục Mầm non		
<b>Tổng số giảng viên toàn Trường tính đến ngày 31/5/2022:</b> 99 người trong đó 03 tiến sĩ, 63 thạc sĩ, 33 cử nhân										

11. Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên Trang Thông tin điện tử của Trường:

- Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên Trang Thông tin điện tử của Trường:  
<https://caodangcongdong.camau.gov.vn/wps/portal/ts/>

- Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau là một cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập có chức năng đào tạo giáo viên cấp học mầm non. Hàng năm, Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục theo quy định tại Thông tư số

28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021. Năm 2021, Trường thực hiện tự đánh giá từ tháng 6 đến ngày 31/12/2021, kết quả tự đánh giá chất lượng như sau:

- + Tổng số điểm tự đánh giá chất lượng: 92 điểm (trong đó 02/09 tiêu chí có 100% tiêu chuẩn đạt).
- + Tự đánh giá chất lượng: đạt 92/100 tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau bắt đầu hoạt động theo mô hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp bắt đầu từ ngày 01/01/2017, thời gian đủ 5 năm liên tục là 31/12/2021. Do vậy, Trường đang tiến tới có kế hoạch đăng ký kiểm định chất lượng theo quy định.

## **II. Tuyển sinh đào tạo chính quy**

### **1. Tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non**

#### **1.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển**

##### **a) Đối tượng dự tuyển**

Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp THPT hoặc đã tốt nghiệp trung cấp Giáo dục Mầm non và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

##### **b) Điều kiện dự tuyển**

- Thí sinh đạt ngưỡng đầu vào theo từng phương thức tuyển sinh.
- Thí sinh có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.
- Thí sinh có nguyện vọng học tại Trường đúng đối tượng tuyển sinh, thuộc phạm vi tuyển sinh.
- Nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển đầy đủ, đúng thời gian theo thông báo tuyển sinh của từng đợt.
- Trong cùng một đợt tuyển sinh, hồ sơ nộp trước hoặc sau đều được xét tuyển như nhau, hồ sơ gửi bưu điện tính theo ngày ghi của Bưu điện.
- Sau khi nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển, thí sinh được quyền nộp bổ sung đối tượng ưu tiên trước ngày cuối cùng của từng đợt xét tuyển.

**Lưu ý khác:**

- Các thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2022 đăng ký xét tuyển đợt 1 theo thông báo của Trường đồng thời phải nhận tài khoản đăng nhập tại trường THPT (hoặc Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh) (nơi thí sinh học năm lớp 12) để tiếp tục đăng ký nguyện vọng trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trường hợp, các thí sinh đã tốt nghiệp THPT, trung cấp chưa có tài khoản đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo liên hệ Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cà Mau cấp tài khoản bổ sung từ ngày **12/7/2022 đến ngày 18/7/2022**.

- ***Thí sinh đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển (không giới hạn số lần) trong thời gian từ ngày 22/7/2022 đến 17h00, ngày 20/8/2022.***

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Thí sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Cà Mau.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): kết hợp xét tuyển và thi tuyển năng khiếu do Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau tổ chức, được quy định như sau:

TT	Ngành	Phương thức tuyển sinh	
		Phương thức 1	Phương thức 2
1.	Giáo dục Mầm non	Xét tuyển dựa vào kết quả của kỳ thi THPT năm 2022 hoặc kết quả của kỳ thi THPT quốc gia, THPT các năm trước và thi năng khiếu	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (Học lực Lớp 12 hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT) và thi năng khiếu

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
1.	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	405	Phương thức 1	32	Ngữ văn, Toán, Năng khiếu	Năng khiếu	Ngữ văn, Sử, Năng khiếu	Năng khiếu	Ngữ văn, Địa, Năng khiếu	Năng khiếu	Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu	Năng khiếu
				406	Phương thức 2	60	M00		M05		M07		M11	

1.5. Ngưỡng đầu vào

- Phương thức 1: do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố năm 2022 trước kỳ xét tuyển đợt 1, cho phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT đối với từng tổ hợp xét tuyển.
- Phương thức 2: có học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

**Lưu ý:**

**\* Điểm xét tốt nghiệp THPT được tính như sau:**

ĐXTN đối với Giáo dục THPT được tính theo công thức sau:

$$\text{ĐXTN} = \frac{\left( \frac{\text{Tổng điểm 4 bài thi} + \text{Tổng ĐKK (nếu có)}}{4} \right) \times 7 + (\text{ĐTBCN lớp 12}) \times 3}{10} + \text{ĐUT (nếu có)}$$

ĐXTN đối với GDTX được tính theo công thức sau:

$$\text{ĐXTN} = \frac{\left( \frac{\text{Tổng điểm 3 bài thi}}{3} + \frac{\text{Tổng ĐKK (nếu có)}}{4} \right) \times 7 + (\text{ĐTBCN lớp 12}) \times 3}{10} + \text{ĐUT (nếu có)}$$

*Trong đó:*

ĐXTN: Điểm xét tốt nghiệp;

THPT: Trung học phổ thông;

GDTX: Giáo dục thường xuyên

ĐKK: Điểm khuyến khích;

ĐTBCN: Điểm trung bình cả năm;

ĐUT: Điểm ưu tiên.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành/nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

- Mã trường: D61.

- Mã ngành, nhóm ngành, tên ngành mã tổ hợp môn xét tuyển, môn xét tuyển

TT	Tên ngành	Mã ngành/ Nhóm ngành	Mã tổ hợp môn xét tuyển	Môn xét tuyển
1.	Giáo dục Mầm non	51140201 /Nhóm ngành I	M00	Ngữ văn – Toán - Năng khiếu
			M05	Ngữ văn – Sử - Năng khiếu
			M07	Ngữ văn – Địa - Năng khiếu
			M11	Ngữ văn –Tiếng Anh - Năng khiếu

- Điểm xét tuyển (ĐXT) = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + Điểm ưu tiên (nếu có). Trong đó:

+ Môn 1: Ngữ văn; Môn 2: Toán/ Sử/ Địa/Tiếng Anh; Môn 3: Năng khiếu.

+ Điểm môn 1, điểm môn 2: phương thức 1 là kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022 hoặc kết quả của kỳ thi THPT quốc gia, THPT các năm trước; phương thức 2: là điểm trung bình cả năm Lớp 12 của môn 1, môn 2.

+ Điểm các bài thi/môn thi thang điểm 10. Điểm xét tuyển được lấy đến hai chữ số thập phân.

+ Điểm ưu tiên: áp dụng cách tính theo quy định tại mục III.1.8 Đề án này.

- Nguyên tắc xét tuyển: Lấy điểm xét tuyển từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của ngành, trường hợp có hai thí sinh trở lên bằng điểm xét tuyển thì ưu tiên thí sinh có điểm năng khiếu cao hơn; không quy định mức chênh lệch giữa các tổ hợp xét tuyển.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với ngành đào tạo.

1.7.1. Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển, thi năng khiếu và công khai kết quả trúng tuyển

Lịch xét tuyển thực hiện theo lịch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường dự kiến thực hiện năm 2022 như sau:

Đợt xét tuyển	Phương thức tuyển sinh	Thi năng khiếu		Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển	Công khai kết quả xét tuyển
		Thời gian nhận đăng ký	Ngày thi		
Đợt 1	Phương thức 1	20/6-17/7/2022	19,20/7/2022	10/7-20/8/2022	Trước 17h00, ngày 17/9/2022
	Phương thức 2				

Đợt xét tuyển	Phương thức tuyển sinh	Thi năng khiếu		Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển	Công khai kết quả xét tuyển
		Thời gian nhận đăng ký	Ngày thi		
Xét bổ sung đợt 1	Phương thức 1, 2	01/10-01/11/2022	09,10/11/2022	01/10-01/11/2022	Trước 17h00, 16/11/2022

**Lưu ý khác:** Trước mỗi đợt thi tuyển năng khiếu và mỗi đợt xét tuyển Trường sẽ có thông báo niêm yết tại Trường, công khai trên Trang Thông tin điện tử của Trường, Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*1.7.2. Hình thức nhận đăng ký xét tuyển/thi tuyển năng khiếu*

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tư vấn tuyển sinh;
- Gửi bảo đảm qua đường bưu điện, theo địa chỉ: Bộ phận tư vấn tuyển sinh, Phòng Đào tạo, Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau - số 126, đường 3 tháng 2, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

*1.7.3. Các điều kiện xét tuyển/thi tuyển:* thực hiện theo mục 1.1.b Đề án này

*1.7.4. Mã tổ hợp môn:* thực hiện theo mục 1.4. Đề án này.

1.8. Chính sách ưu tiên; xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển:

- Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh: Áp dụng Điều 7, Thông tư số 08/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy chế Tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non.
- Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: Áp dụng Điều 8, Thông tư số 08/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy chế Tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: Áp dụng Thông tư liên tịch số 40/2015/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 27/3/2015 và theo Thông báo số 316/TB-BGDĐT ngày 30/3/2021.

- Đăng ký xét tuyển: 25.000 đồng/nguyên vọng.
- Đăng ký dự thi năng khiếu: 300.000 đồng/thí sinh.
- Hình thức nộp lệ phí đăng ký xét tuyển, lệ phí đăng ký dự thi năng khiếu
- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận tư vấn tuyển sinh;



+ Gửi bảo đảm qua đường bưu điện, theo địa chỉ: Bộ phận tư vấn tuyển sinh, Phòng Đào tạo, Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau-số 126, đường 3 tháng 2, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

1.10. Học phí, chi phí sinh hoạt, chính sách học bổng và các hỗ trợ khác dành cho người học

*1.10.1. Học phí, chi phí sinh hoạt*

Đối với sinh viên trúng tuyển ngành Giáo dục Mầm non năm 2022, trường đào tạo theo chỉ tiêu đặt hàng của địa phương thực hiện theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 Quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm theo quy định tại Điều 4, đảm bảo cho cả khóa học từ năm học 2022-2023 đến hết năm học 2024-2025 như sau:

- Sinh viên sư phạm được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí.

- Sinh viên sư phạm được Nhà nước hỗ trợ 3.630.000 đồng/tháng để chi trả chi phí sinh hoạt trong thời gian học tập tại Trường, thời gian hỗ trợ tiền chi phí sinh hoạt được xác định theo số tháng thực tế học tập tại Trường theo quy định, nhưng không quá 10 tháng/năm học.

*1.10.2. Chính sách học bổng và các hỗ trợ khác dành cho người học:* khuyến khích học tập dành cho sinh viên có kết quả học tập, rèn luyện cao thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; ngoài ra, nhiều học bổng đột xuất được xét trao theo đề nghị đột xuất hoặc theo quy định từ quỹ khuyến học tập tích lũy nguồn từ mối quan hệ hợp tác giữa CMCC với các công ty, doanh nghiệp trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng, hợp tác, chuyển giao công nghệ, giới thiệu người làm việc, quý mạnh thường quân, các nhà hảo tâm hướng về quê hương, muôn chia sẻ tài chính với học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn nỗ lực vươn lên trong cuộc sống,...

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm: thực hiện theo mục 1.7.1 của Đề án này

1.12. Việc Trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

Sau khi kết thúc tuyển sinh, Trường sẽ tổ chức thanh, kiểm tra nội bộ, chủ động giải quyết các rủi ro (*theo tình hình thực tế*); giải quyết đơn phản ánh, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến công tác tuyển sinh của Trường theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; và quy định của pháp luật (nếu có).

#### 1.14. Tài chính năm 2021

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của Trường: 21.866.736.000 đồng.
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 01 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh là: 45.555.700 đồng./.

#### 1.15. Các nội dung khác

##### 1.15.1. Hồ sơ đăng ký xét tuyển, gồm:

- Bản sao giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có).
- 01 phong bì dán tem, ghi rõ địa chỉ nhận thông báo kết quả xét tuyển, nhập học: số nhà, tên đường, khu phố/ấp, phường/xã, quận/huyện/thị xã, tỉnh/thành phố, email, số điện thoại cá nhân để liên lạc khi cần thiết.
- Lệ phí xét tuyển: theo quy định tại mục III.1.9 của Đề án này.
- Phiếu đăng ký xét tuyển (Kèm theo Phụ lục I). Thí sinh nhận trực tiếp tại Bộ phận tư vấn tuyển sinh hoặc tải về từ địa chỉ: [caodangcongdong.camau.gov.vn](http://caodangcongdong.camau.gov.vn); [www.cmcc.edu.vn](http://www.cmcc.edu.vn). Mẫu tại Phụ lục 1.

##### 1.15.2. Hồ sơ đăng ký dự thi năng khiếu, gồm:

- 01 phong bì dán tem, ghi rõ địa chỉ nhận thông báo kết quả thi năng khiếu: số nhà, tên đường, khu phố/ấp, phường/xã, quận/huyện/thị xã, tỉnh/thành phố, email, số điện thoại cá nhân để liên lạc khi cần thiết.
- Lệ phí xét tuyển: theo quy định tại mục III.1.9 Đề án này.
- 02 ảnh 3x4 (ảnh chụp không quá 6 tháng tính đến thời điểm dự thi) ghi rõ họ tên, ngày sinh phía sau ảnh.
- Phiếu đăng ký dự thi năng khiếu. Thí sinh nhận trực tiếp tại Bộ phận tư vấn tuyển sinh hoặc tải về từ địa chỉ: [caodangcongdong.camau.gov.vn](http://caodangcongdong.camau.gov.vn); [www.cmcc.edu.vn](http://www.cmcc.edu.vn) (Kèm theo Phụ lục II).

1.15.3. Về việc thi tuyển năng khiếu ngành Giáo dục Mầm non đã được Trường xây dựng Quy chế thi theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2021, năm 2022 sẽ xem xét nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung nếu có những điểm chưa phù hợp với Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án này; riêng Đề án tổ chức thi không xây dựng riêng mà tích hợp trong Quy chế thi vì đây là nội dung thi bổ trợ; Quy chế thi được công khai trên Trang Thông tin điện tử của Trường, trong đó nội dung sơ tuyển và thi năng khiếu như sau:

a) Nội dung sơ tuyển: Thí sinh đạt điều kiện sơ tuyển khi:

- Không bị dị tật, đạt yêu cầu của ngành đào tạo.
- Không đạt điều kiện sơ tuyển thì không tiếp tục dự thi các phần tiếp theo.

b) Nội dung thi năng khiếu, thí sinh phải dự thi đầy đủ cả hai phần thi sau:

- Phần thi Kể chuyện

+ Thí sinh kể một câu chuyện tự chọn, có nội dung phù hợp với lứa tuổi mầm non; thời gian kể không quá 5 phút;

+ Khi kể chuyện chú ý các yếu tố: đúng cốt truyện; giọng diễn cảm, lưu loát; phát âm rõ, chính xác; nét mặt, cử chỉ, điệu bộ phù hợp cốt truyện; trang phục thẩm mỹ, phù hợp; tác phong tự tin;

+ Thang điểm: 5,00 điểm lẻ đến 0,25 không làm tròn; trong đó:

\* Đúng cốt truyện: 1,00 điểm;

\* Giọng diễn cảm, lưu loát: 1,00 điểm;

\* Phát âm rõ, chính xác: 1,00 điểm;

\* Nét mặt, cử chỉ, điệu bộ phù hợp cốt truyện: 1,00 điểm;

\* Trang phục thẩm mỹ, phù hợp; tác phong tự tin: 1,00 điểm.

- Phần thi Hát

+ Hát không có nhạc đệm, tự chọn hát một ca khúc Việt Nam về các chủ đề: ca ngợi quê hương, đất nước, con người, Bác Hồ, thầy cô, ca khúc thiếu nhi, dân ca; không hát thể loại tuồng, chèo, cải lương, ca cổ.

+ Khi hát chú ý các yếu tố: Lời ca đúng, rõ; cao độ; tiết tấu; sắc thái;

+ Thang điểm: 5,00 điểm lẻ đến 0,25, trong đó:

\* Lời ca đúng, rõ: 1,00 điểm;

\* Cao độ: 1,50 điểm;

\* Tiết tấu: 1,50 điểm;

\* Trang phục thẩm mỹ, phù hợp; Sắc thái: 1,00 điểm.

c) Thí sinh được đánh giá đạt yêu cầu thi năng khiếu khi:

- Đạt yêu cầu sơ tuyển.
- Điểm mỗi phần thi đạt từ 1,00 điểm trở lên.
- Tổng điểm hai phần thi kể chuyện, hát đạt từ 5,50 điểm trở lên, không làm tròn.

d) Kết quả thi năng khiếu theo hình thức vấn đáp, chấm trực tiếp, không tổ chức phúc khảo.

### **Cán bộ kê khai**

Họ và tên: Dương Thùy Dương.

Số điện thoại: 0918786976.

Email: duongduongcm@yahoo.com.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

### ***Nơi nhận:***

- Bộ Giáo dục và Đào tạo qua Vụ Giáo dục Đại học và qua email: vugddh@moet.gov.vn;
- Công thông tin tuyển sinh-Bộ Giáo dục và Đào tạo địa chỉ <http://thituyensinh.vn>;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cà Mau;
- Ban Giám hiệu, các bộ phận trực thuộc;
- Trang Thông tin điện tử của Trường;
- Lưu: VT, ĐT, KSP.

**Đỗ Thị Viễn Hương**

**Phụ lục 1. PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN**  
(Kèm theo Đề án số: 25/ĐA-CĐCĐ ngày 22/6/2022)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN NĂM 2022**

Ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng hình thức chính quy

Họ và tên: .....Giới tính:.....  
Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../..... Dân tộc:.....  
Giấy chứng minh nhân dân số/Thẻ căn cước công dân:.....  
Hộ khẩu thường trú: .....  
.....Mã ..... tỉnh:.....Mã  
huyện:.....  
Chế độ ưu tiên tuyển sinh: Khu vực:..... Đối tượng ưu tiên: .....  
Địa chỉ nhận kết quả xét tuyển: .....  
.....  
Số điện thoại để liên lạc khi cần thiết: .....  
Email:.....

**Tên trường đã học trung học phổ thông**

Lớp 10: .....Mã trường:.....Mã tỉnh:.....  
Lớp 11: .....Mã trường:.....Mã tỉnh:.....  
Lớp 12: .....Mã trường:.....Mã tỉnh:.....  
Học lực lớp 12.....; Hạnh kiểm lớp 12.....  
Năm tốt nghiệp lớp 12:.....

**Đăng ký xét tuyển dựa vào kết quả của kỳ thi THPT năm 2022 hoặc kết quả kỳ thi THPT, THPT quốc gia các năm trước**

Mã tổ hợp môn	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Cộng
.....	.....	.....	.....	.....

**Đăng ký xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (năm lớp 12) (Ghi đúng điểm tổng kết cả năm học lớp 12 trong Học bạ)**

Mã tổ hợp môn	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Cộng
.....	.....	.....	.....	.....

Tên trường đăng ký xét tuyển: Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau.

Mã số trường: D61.

Cà Mau, ngày ..... tháng ..... năm 2022

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(ký, ghi rõ họ tên)

**Phụ lục 2. PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI NĂNG KHIẾU**  
(Kèm theo Đề án số: 25/ĐA-CDGD ngày 22/6/2022)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI NĂNG KHIẾU NĂM 2022**  
Trình độ cao đẳng hình thức chính quy ngành Giáo dục Mầm non

Họ và tên: .....Giới tính:.....  
Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../..... Dân tộc:.....  
Giấy chứng minh nhân dân (Thẻ căn cước công dân) số:.....  
Hộ khẩu thường trú: .....  
.....  
Địa chỉ nhận kết quả: .....  
.....  
Số điện thoại để liên lạc khi cần thiết: .....

**Tên trường đã học trung học phổ thông**

Lớp 10: .....Mã trường:.....Mã tỉnh:.....  
Lớp 11: .....Mã trường:.....Mã tỉnh:.....  
Lớp 12: .....Mã trường:.....Mã tỉnh:.....  
Học lực lớp 12.....; Hạnh kiểm lớp 12.....

**NGUYỄN VỌNG ĐĂNG KÝ DỰ THI NĂNG KHIẾU**

Tên trường: Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau. Mã số trường: D61.

Thi tuyển năng khiếu ngành: Giáo dục Mầm non.

Thí sinh dán 02 ảnh 3x4 vào khung này./.

Cà Mau, ngày ..... tháng ..... năm 2022

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**  
(ký, ghi rõ họ tên)

